

Học kỳ: Học kỳ 2 - Năm học 2018-2019
Term (1833)

Lớp: 0200 (1344)
Class

STT (S/N)	MSSV (Student#)	Họ Lót (Surname)	Tên (Given Name)	KT1 (10 %)	KT2 (10 %)	KTGK (20 %)	Ghi chú (Note)
1	2144283	Lê Kim	Anh	4,0	8,0	8,5	
2	2161040	Nguyễn Mộc Quế	Anh	6,0	6,0	4,0	
3	2172787	Nguyễn Ngọc Trâm	Anh	4,0	7,0	6,2	
4	2172839	Phạm Đan	Anh	Vắng	Vắng	Vắng	
5	2162320	Trần Mỹ	Anh	8,0	9,0	6,7	
6	2175631	Trần Tú	Anh	10,0	8,0	6,9	
7	2161067	Nguyễn Mộng	Cầm	8,0	9,0	6,4	
8	2150992	Trương Võ Hạnh	Dung	10,0	9,0	5,1	
9	2171061	Nguyễn Doãn Thiện	Duyên	10,0	9,0	8,0	
10	2175743	Nguyễn Hoàng	Dũng	Vắng	Vắng	Vắng	
11	2172808	Nguyễn Tấn	Dũng	8,0	8,0	5,3	
12	2170670	Lê Đoàn Minh	Hiền	2,0	8,0	2,3	
13	2172996	Lữ Ngọc	Khang	6,0	9,0	6,8	
14	2161097	Nguyễn Đặng Như	Khanh	6,0	7,0	4,9	
15	2172002	Nguyễn Quang	Khiêm	6,0	10,0	7,2	
16	2170032	Nguyễn Thanh	Lâm	6,0	10,0	4,0	
17	2172901	Đỗ Ngọc Gia	Linh	6,0	Vắng	Vắng	
18	2161122	Nguyễn Thị Yến	Linh	6,0	9,0	6,1	
19	2160800	Đặng Thu	Minh	Vắng	Vắng	Vắng	
20	2151254	Đặng Mai Bích	Ngọc	4,0	8,0	8,1	
21	2174890	Nguyễn Hồ Gia	Nhi	6,0	6,0	6,3	
22	2161788	Đỗ Thị	Nhung	10,0	10,0	9,4	
23	2174708	Phạm Thị Cẩm	Nhung	6,0	10,0	4,8	
24	2174693	Nguyễn Hà Kiều	Oanh	4,0	10,0	6,8	
25	2172003	Đào Thanh	Phong	6,0	8,0	5,9	
26	2174106	Nguyễn Đất	Phúc	2,0	0,0	2,7	
27	2173071	Phạm Thị Hồng	Phúc	6,0	10,0	6,0	
28	2173020	Trịnh Vũ Thảo	Quyên	6,0	0,0	4,3	
29	2175806	Võ Mai	Sương	2,0	0,0	4,9	
30	2173028	Phùng Kim	Thanh	6,0	9,0	4,6	
31	2161173	Đỗ Ngọc Thanh	Thảo	Vắng	Vắng	Vắng	
32	2172672	Nguyễn Thanh	Thảo	4,0	9,0	4,7	
33	2173670	Nguyễn Minh	Thu	Vắng	Vắng	Vắng	
34	2170448	NGUYỄN THỊ MINH	THƯ	6,0	9,0	4,4	
35	2151375	Trịnh Thị Hoài	Thương	2,0	9,0	3,8	
36	2171863	Đặng Thị Thủy	Tiên	6,0	10,0	4,7	
37	2161216	Ngô Nguyễn Thảo	Trang	Vắng	Vắng	Vắng	
38	2160939	Lê Võ Tổ	Uyên	6,0	9,0	6,8	
39	2173426	Lê Bảo	Việt	4,0	9,0	8,4	

Ngày tháng năm 20
Chủ nhiệm bộ môn
(Department Head)

Ngày tháng năm 20
Giảng viên phụ trách lớp
(Instructor)

Lê Thái Hùng